

Số: 50/BB-HĐQT-GS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2021

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
BẰNG VĂN BẢN**

Hôm nay, vào lúc 13 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 7 năm 2021 tại phòng họp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, tiến hành kiểm Phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT, BKS theo văn bản số 49/HĐQT-GS ngày 20/7/2021 của Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru.

1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát tham gia biểu lấy ý kiến:

- | | |
|------------------------|--------------------------------|
| - Ông Huỳnh Tấn Siêu | - Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Ông Trần Văn Hạnh | - Thành viên Hội đồng quản trị |
| - Ông Nguyễn Văn Trọng | - Thành viên Hội đồng quản trị |
| - Ông Hoàng Anh Tuấn | - Thành viên Hội đồng quản trị |
| - Ông Võ Thanh Tùng | - Thành viên Hội đồng quản trị |
| - Bà Võ Trần Thúy Tâm | - Trưởng Ban Kiểm soát |
| - Bà Phạm Thị Hiền | - Thành viên Ban Kiểm soát |
| - Ông Đỗ Phú Hồng Quân | - Thành viên Ban Kiểm soát |

2. Thành phần tham gia kiểm phiếu:

Người giám sát kiểm phiếu: Ông Huỳnh Tấn Siêu – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người kiểm phiếu: Ông Võ Hoàng Minh – Thư ký Hội đồng quản trị công ty.

3. Kết quả kiểm phiếu như sau:

- | | |
|---------------------|----------|
| - Số phiếu phát ra: | 08 phiếu |
| - Số phiếu thu vào: | 08 phiếu |



- Số phiếu hợp lệ: 08 phiếu
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu

Kết quả:

- Số phiếu đồng ý: 08 phiếu (đạt 100%)
- Số phiếu không đồng ý: 0 phiếu (đạt 0%)
- Số phiếu không ý kiến: 0 phiếu (đạt 0%)
- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu (đạt 0%)

100% Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đồng ý thông qua các nội dung:

Nội dung 1: Thống nhất kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý 2 năm 2021 của Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru.

Nội dung 2: Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý 3 năm 2021 của Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru. Ý kiến khác: *Nếu tình hình dịch bệnh trên cả nước được khống chế về trạng thái bình thường mới trước 10/8/2021 thì vẫn đảm bảo kế hoạch của quý 3 (bóng cao su 215.000 quả, bóng dán 28.000 quả, bóng khâu 10.000 quả). Còn nếu vẫn kéo dài công ty thực hiện 3 tại chỗ sản lượng bóng cao su chỉ đạt 65-70% kế hoạch của quý là 215.000 bóng cao su (khi thực hiện 3 tại chỗ không sản xuất bóng dán và khâu).*

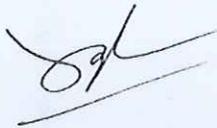
Nội dung 3: Thống nhất kết quả kiểm soát Quý 2 năm 2021 của Ban Kiểm soát của Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru.

Nội dung 4: Thống nhất một số nội dung liên quan đến kết quả ĐHCĐ năm 2021: *Thống nhất hoàn chỉnh nội dung về sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty; sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát. Giao cho Người đại diện pháp luật và Trưởng Ban Kiểm soát công ty hoàn thiện các thủ tục của các nội dung liên quan trình Chủ tịch HĐQT ra Quyết định ban hành.*

Nội dung 5: Các nội dung, đề xuất thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐQT:

1. Triển khai xây dựng đề án tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2021 – 2026, tầm nhìn đến năm 2030 theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT Tập đoàn.
 2. Xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất quý 3/2021 căn cứ vào tình hình, diễn biến thực tế của dịch bệnh Covid-19.
 3. Phân công nhiệm vụ chi tiết trong Hội đồng quản trị.
- Biên bản được thành lập và kết thúc vào lúc 13 giờ 30 phút cùng ngày./.

NGƯỜI KIỂM PHIẾU
THƯ KÝ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Võ Hoàng Minh

NGƯỜI GIÁM SÁT KIỂM PHIẾU
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Huỳnh Tấn Siêu



Số: 51 /NQ-HĐQT-GS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO NGÔI SAO GERU (Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản số 49/HĐQT-GS)

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru;

Căn cứ biên bản Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Hội đồng Quản trị ngày 22 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua các nội dung đã lấy Phiếu ý kiến thành viên HĐQT, BKS theo văn bản số 49/HĐQT-GS ngày 20/7/2021, gồm 05 (năm) nội dung sau:

1. Nội dung 1: Thống nhất kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý 2 năm 2021 của Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru.

2. Nội dung 2: Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý 3 năm 2021 của Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru.

3. Nội dung 3: Thống nhất kết quả kiểm soát Quý 2 năm 2021 của Ban Kiểm soát của Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru.

4. Nội dung 4: Thống nhất một số nội dung liên quan đến kết quả ĐHCĐ năm 2021: Thống nhất hoàn chỉnh nội dung về sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty; sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát. Giao cho Người đại diện pháp luật và Trưởng Ban Kiểm soát công ty hoàn thiện các thủ tục của các nội dung liên quan trình Chủ tịch HĐQT ra Quyết định ban hành.

5. Nội dung 5: Các nội dung, đề xuất thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐQT:

- Giao cho Ban điều hành Công ty triển khai xây dựng đề án tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2021 – 2026, tầm nhìn đến năm 2030 theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT Tập đoàn. Hoàn thành trước cuối quý 3/2021 trình

Tập đoàn xem xét.

- Giao cho Ban điều hành Công ty chủ động, linh hoạt trong thẩm quyền việc xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất quý 3/2021 căn cứ vào tình hình, diễn biến thực tế của dịch bệnh Covid-19.

- Giao cho Trưởng phòng Tổ chức Hành chính phối hợp cùng Thư ký Hội đồng quản trị thực hiện tham mưu các nội dung trình Hội đồng quản trị về việc phân công nhiệm vụ chi tiết trong Hội đồng quản trị.

Điều 2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này kể từ ngày ký.

Nơi nhận :

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Ban Tổng giám đốc, CT.Công Đoàn;
- Lưu VT, TK.HĐQT.



Huỳnh Tấn Siêu

Số: 176^A /GS-BC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD 6 tháng đầu năm 2021
và kế hoạch, giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2021

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021; Kế hoạch, giải pháp thực hiện quý III/2021 với các nội dung chủ yếu sau đây:

I. Công tác triển khai phòng, chống dịch Covid-19

- Công ty thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Đảng, Chính phủ và các cấp lãnh đạo và đặc biệt là Chỉ thị 05/CT-TTg ngày 28/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

- Công ty thành lập Ban phòng, chống dịch bệnh Covid-19 với nhiệm vụ của Ban là tuyên truyền các thông tin về dịch bệnh và các biện pháp phòng tránh, nhất là chủ trương của Đảng, Nhà nước về phòng chống, dịch Covid-19 và của các cấp chính quyền địa phương; các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, Công đoàn Cao su Việt Nam đến toàn thể người lao động, nhằm nâng cao ý thức và trách nhiệm mỗi cá nhân trong việc phòng, chống dịch bệnh.

- Chủ động phòng, chống dịch với phương châm "phòng ngừa tích cực", tuân thủ tuyệt đối quy tắc 5K của Bộ Y tế khi làm việc nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động.

- Trang bị và thực hiện việc rửa tay, xịt nước sát khuẩn, đo thân nhiệt và kê khai y tế trước khi vào công ty làm việc.

- Toàn bộ cán bộ, người lao động trong công ty thực hiện việc đeo khẩu trang. Thực hiện việc giữ khoảng cách các vị trí làm việc, ở nhà ăn cách nhau 2m và đảm bảo an toàn mật độ người lao động làm việc tại các phân xưởng.

- Thực hiện việc bố trí lao động ở các phòng ban, đơn vị nghỉ phép, nghỉ luân phiên và làm việc trực tuyến tại nhà nhưng vẫn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty diễn ra thường xuyên.

- Công ty đáp ứng tốt các yêu cầu về hoạt động sản xuất theo Bộ chỉ số đánh giá tính rủi ro lây nhiễm SARS-CoV-2 tại doanh nghiệp trên địa bàn Tp.HCM của Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19 Tp.HCM. Công ty có chỉ số điểm ở mức rất ít rủi ro nên hoạt động sản xuất được duy trì, vừa sản xuất vừa

phòng chống dịch bệnh Covid-19. Công ty không có trường hợp nào bị nhiễm bệnh Covid-19.

II. Về tình hình sản xuất kinh doanh quý 2 năm 2021

1. Đặc điểm tình hình

Trong thời gian qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty diễn ra trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn ra ngày càng phức tạp, đang bùng phát mạnh ở nhiều nước, khu vực, tác động sâu rộng đến tình hình kinh tế - xã hội trên toàn cầu. Ở nước ta, dịch bệnh cũng tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là từ đầu tháng 5/2021 đến nay các hoạt động thể dục thể thao, các giải thi đấu hầu hết bị tạm hoãn, hủy bỏ không tổ chức và đặc biệt là việc đóng cửa các trung tâm thể dục thể thao, nhà thi đấu, sân vận động...

Với những tác động trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn: đơn hàng giảm sút, lao động thiếu ổn định, thị trường tiêu thụ gặp khó khăn.

Trước tình hình đó, Công ty đã chỉ đạo quyết liệt các đơn vị thực hiện tốt và đồng bộ các giải pháp để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, duy trì việc làm, ổn định đời sống cho người lao động và đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh cho công ty.

2. Công tác sản xuất

- Tăng cường công tác quản lý trên từng công đoạn sản xuất, chú trọng nâng cao vai trò quản lý các đơn vị; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình sản xuất, kiểm soát chặt chẽ trọng lượng bóng và tỷ lệ phế phẩm.

- Sắp xếp lại các công đoạn trong sản xuất, loại bỏ các công đoạn không cần thiết, tiết kiệm thời gian, nâng cao năng suất lao động trên các công đoạn, đảm bảo tiến độ đơn hàng và tăng thu nhập cho người lao động.

- Xây dựng phương án khoán lương cho xưởng sản xuất, hạn chế các phát sinh lương thời gian và việc tăng ca, tăng giờ không hợp lý.

- Phát động phong trào tiết kiệm vật tư, nguyên liệu, điện năng; phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật hạ giá thành trong sản xuất.

* Kết quả sản xuất:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Quý II/2020	Năm 2021		So sánh (%)	
			KH năm	Thực hiện Quý II	TH/KH 2021	2021/2020
- Bóng cao su	Quả	160.558	790.000	239.991	30,38%	149,47%
- Bóng khâu	"	8.151	50.000	10.394	20,79%	127,52%
- Bóng dán	"	24.893	110.000	27.980	25,44%	112,40%
Tổng cộng	Quả	193.602	950.000	278.365	29,30%	143,78%

- Tỷ lệ ruột bóng hủy trong quý II/2021 là 1,49%, với số lượng 4.400 cái, tương ứng giá trị là 25.366.000 đồng (cao hơn 0,02% so với quý II/2020). Trong 6 tháng ruột bóng hủy là 1,61%, với tổng số lượng là 8.392 cái, tương ứng giá trị là 48.379.880 đồng, tỷ lệ ruột bóng hủy tăng 0,17% so với cùng kỳ năm 2020.

- Tỷ lệ hư hỏng Bóng cao su trong quý II/2021 là 1,28%, với số lượng 3.231 quả, tương ứng giá trị là 98.393.643 đồng (thấp hơn 1,03% so với quý II/2020). Trong 6 tháng bóng hư hỏng là 1,34%, với tổng số lượng là 5.739 quả, tương ứng giá trị là 174.769.767 đồng, tỷ lệ hư hỏng giảm 0,42% so với cùng kỳ năm 2020.

3. Công tác kinh doanh

- *Thị trường nội địa:*

+ Công ty tiến hành rà soát, củng cố các đại lý bán hàng trên toàn quốc. Hệ thống bán hàng, phân phối sản phẩm của công ty luôn được củng cố và mở rộng.

+ Tăng cường công tác thị trường, vai trò trách nhiệm của bộ phận bán hàng gắn với quyền lợi cho từng cá nhân.

+ Tiếp tục nâng cao thương hiệu sản phẩm và hình ảnh của công ty trên thị trường. Thực hiện tài trợ các giải thi đấu do Liên đoàn thể thao tổ chức; Hội khỏe phù đồng các tỉnh thành và các giải thể thao phong trào khác.

- *Thị trường xuất khẩu:* Được củng cố và dần ổn định, sản phẩm xuất khẩu của công ty chủ yếu là các chủng loại Bóng Cao su (chiếm 43% tổng sản lượng sản xuất). Xuất khẩu chủ yếu vào các nước: Mỹ, Nam Phi, UAE, Nhật... (Thị trường Mỹ chiếm 62% tổng sản lượng và doanh thu xuất khẩu).

* Sản lượng tiêu thụ và doanh thu:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Quý II/2020	Năm 2021		So sánh (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện Quý II	TH/KH 2021	2021/2020
I. S/lượng tiêu thụ	Quả	143.531	950.000	305.230	32,13%	212,66%
- Bóng Nội địa	"	71.513	556.000	174.442	31,37%	243,93%
- Bóng Xuất khẩu	"	72.018	394.000	130.788	33,19%	181,60%
II. Doanh thu	Trđ	10.403	71.126	27.626	38,84%	265,56%
- Doanh thu Bóng	"	10.274	67.126	17.965	26,76%	174,86%
+ Bóng Xuất khẩu	"	3.465	20.036	6.309	31,49%	182,08%
+ Bóng Nội địa	"	6.809	47.090	11.656	24,75%	171,19%
- Doanh thu cao su	"	-	3.500	9.490	271,14%	-
- Doanh thu khác	"	129	500	171	34,20%	132,56%

4. Công tác đầu tư XDCB: Trong 6 tháng đầu năm 2021 công ty không có đầu tư xây dựng cơ bản, chủ yếu sửa chữa nhỏ máy móc thiết bị và mua sắm các công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất kinh doanh.

5. Công tác tài chính, kế toán

* Các khoản phải thu ngắn hạn: 16.454.716.014 đồng. (Trong đó: phải thu khách hàng: 11.916.570.481 đồng)

* Hàng tồn kho: 14.657.043.603 đồng, bằng 110,93% so với đầu năm. Trong đó:
+ Nguyên vật liệu: 5.611.105.186 đồng, bằng 124,43% so với đầu năm, tăng 1.101.723.028 đồng.

+ Công cụ dụng cụ, bao bì luân chuyển: 815.527.762 đồng bằng 112,83% so với đầu năm, tăng 92.741.146 đồng

+ Chi phí sản xuất dở dang: 3.743.196.231 đồng, bằng 106,18% so với đầu năm, tăng 217.847.221 đồng.

+ Thành phẩm: 4.006.040.779 đồng, bằng 105,98% so với đầu năm, tăng 226.181.344 đồng.

+ Hàng hóa: 114.098.383 đồng, bằng 37,32% so với đầu năm, giảm 191.565.708 đồng.

* Phân tích giá thành:

- Giá thành bóng cao su tăng so với giá kế hoạch 11,19%

- Giá thành bóng khâu tăng so với giá thành kế hoạch 16,69%

- Giá thành bóng dán giảm so với giá thành kế hoạch 17,42%

* Hiệu quả sản xuất kinh doanh:

- Lợi nhuận quý 2/2021: 250.021.542 đồng.

- Lợi nhuận lũy kế 6 tháng đầu năm 2021: 462.824.441 đồng, đạt 44,29% kế hoạch năm

6. Công tác tổ chức, lao động, tiền lương

6.1 Về công tác tổ chức:

- Công ty thực hiện quy trình nhân sự các thành viên tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2021-2026) theo quy định của Tập đoàn.

- Sắp xếp nhân sự bộ phận gián tiếp tinh gọn nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn.

6.2 Về lao động tiền lương:

- Tổng số lao động có mặt đến ngày 30/6/2021: 137 người, giảm 05 người so với năm 2020.

- Tổng số lao động bình quân: 141 người, giảm 07 người so với năm 2020.

Trong đó:

+ Người quản lý: 05 người

+ Lao động gián tiếp: 21 người, giảm 04 người so với năm 2020

+ Lao động trực tiếp SXKD: 115 người, giảm 03 người so với năm 2020

- Tiền lương bình quân CNCNV: 8.138.000 đồng/người/tháng, bằng 121% so với năm 2020.

- Thu nhập bình quân CBCNV: 8.962.000 đồng/người/tháng, bằng 115% so với năm 2020.

6.3. Về chế độ chính sách người lao động

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN, chi tiền ăn ca cho người lao động với một suất ăn 20.000 đồng/người/ca. Thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật và các chế độ chính sách khác cho người lao động đúng theo quy định.

7. Những nguyên nhân và tồn tại, hạn chế

- Các tháng đầu năm lao động trực tiếp nghỉ việc nhiều, tuyển dụng lao động thay thế gặp nhiều khó khăn nên có thời điểm không đáp ứng nhu cầu đơn hàng cho khách.

- Sự thay đổi cơ cấu, chủng loại sản phẩm theo nhu cầu của khách hàng làm cho công ty gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn đầu điều chỉnh.

- Giá nguyên vật liệu chính (Mủ cao su...) và chi phí nhân công một số công đoạn tăng (Khâu bóng...) so với giá kế hoạch.

- Thị trường nội địa tiêu thụ tiêu gặp khó khăn trong thời gian giãn cách xã hội do dịch bệnh, doanh chỉ đạt 44,95% KH năm.

III/ Kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH(%)
1	Doanh thu bán hàng và CCDV	71.126.000.000	45.594.030.610	64,10
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	4.700.054.500	1.631.349.313	34,71
3	Doanh thu thuần bán hàng & CCDV	66.425.945.500	43.962.681.297	66,18
4	Giá vốn hàng bán	48.708.324.081	36.284.372.269	74,49
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và CCDV	17.717.621.419	7.678.309.028	43,34
6	Doanh thu hoạt động tài chính	0	2.012.269	
7	Chi phí tài chính	1.200.000.000	417.888.403	34,82
8	Chi phí bán hàng	6.616.621.419	2.374.380.329	35,89
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.856.000.000	4.289.029.039	48,43
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	1.045.000.000	599.023.526	57,32
11	Thu nhập khác	0	0	-
12	Chi phí khác	0	136.199.085	-
13	Lợi nhuận khác	0	-136.199.085	-
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.045.000.000	462.824.441	44,29
15	Chi phí Thuế TNDN hiện hành	209.000.000	92.564.888	-
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	836.000.000	370.259.553	44,29

1641
TY
HÀN
HÀO
GER
HỒ C

IV. Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý III/2021

1. Các chỉ tiêu chủ yếu

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021				(%)
			KH năm	TH 6 tháng	KH quý 3	Lũy kế U' TH	KH/U' TH
1	Sản lượng sản xuất	Quả	950.000	490.195	253.000	743.195	78,23
a	Bóng cao su	"	790.000	414.596	215.000	629.596	79,70
b	Bóng dán	"	110.000	55.070	28.000	83.070	75,52
c	Bóng khâu	"	50.000	20.529	10.000	30.529	61,06
2	Sản lượng tiêu thụ	"	950.000	497.152	250.000	747.152	78,65
a	Xuất khẩu	"	394.000	215.294	115.000	330.294	83,83
b	Nội địa	"	556.000	281.858	135.000	416.858	74,97
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	71.126	45.594	17.170	62.764	88,24
3.1	Doanh thu Bóng	"	67.126	31.334	17.000	48.334	72,00
a	Bóng Xuất khẩu	"	20.036	10.165	5.500	15.665	78,18
b	Bóng Nội địa	"	47.090	21.169	11.500	32.669	69,38
3.2	Doanh thu cao su	"	3.500	13.855	0	13.855	395,86
3.3	Doanh thu cao khác	"	500	405	170	575	115,00
4	L/nhuận trước thuế	"	1.045	462	300	762	72,92

2. Các giải pháp thực hiện

2.1/ Công tác sản xuất

- Duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015; giám sát chặt chẽ việc thực hiện quy trình các công đoạn sản xuất. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm. Tổ chức sản xuất hợp lý, đảm bảo tiến độ kịp thời các đơn hàng.

- Thực hiện tốt việc tiết kiệm, chống lãng phí trong từng bộ phận và từng người lao động trên các lĩnh vực nhằm kiểm soát tốt giá thành sản phẩm.

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp kỹ thuật để giảm thời gian lưu hóa bóng cao su, cải tiến kỹ thuật công nghệ bóng xốp nhằm giảm tỷ lệ bóng phế phẩm.

- Hoàn thiện kỹ thuật và triển khai sản xuất bóng Boccia mẫu mới theo nhu cầu khách hàng.

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp để tỷ lệ hư hỏng bóng cao su dưới 1,5%; ruột bóng hủy dưới 1,3%.

2.2/ Công tác kinh doanh

- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm khách hàng thông qua các kênh bán hàng, đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch tiêu thụ sản phẩm.

- Làm tốt công tác thị trường, phát triển sản phẩm mới, đa dạng mẫu mã sản phẩm, nâng cao thương hiệu sản phẩm công ty.



CÔNG TY CP TT NGÔI SAO GERU
BAN KIỂM SOÁT

GERU-BKS 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CTY CP THỂ THAO NGÔI SAO GERU QUÝ 2 NĂM 2021

Kính gửi : - Hội đồng Quản trị Công ty

Ban Kiểm soát xin báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru; hoạt động của Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru quý 2 năm 2021 như sau:

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Quý 2 năm 2021, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc có các hoạt động sau:

- Tổ chức thực hiện thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, bầu ra thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV (2021-2016) và sửa đổi điều lệ công ty theo Luật DN năm 2020, sửa đổi quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, và thông qua các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 2020, phân phối lợi nhuận 2020, quyết toán thù lao HĐQT - BKS 2020 và kế hoạch 2021.
- Báo cáo tiến độ thực hiện chi phí giải tỏa đền bù việc giải phóng mặt bằng từ năm 2014 đến nay cho Lãnh đạo Tập đoàn cao su.
- Ban hành thang lương, bảng lương của người lao động thực hiện kể từ ngày 01/07/2021.
- Thỏa thuận kế hoạch chi phí tiền lương năm 2021 với Tập đoàn Cao su Việt Nam.
- Lập kế hoạch thực hiện các biện pháp phòng chống dịch covid-19 trong công ty nhằm đáp ứng kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021.

II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính của Công ty

1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 2 năm 2021

a. Sản lượng

Các chỉ tiêu	ĐVT	Quý 2/2020	Kế hoạch 2021	Quý 2/2021	So sánh	
					2021/2020	Quý 2/Kế hoạch
I/ Sản lượng sản xuất		193.602	950.000	278.365	143,78%	29,30%
Bóng cao su	Quả	160.558	790.000	239.991	149,47%	30,38%
Bóng khâu	"	8.151	50.000	10.394	127,52%	20,79%
Bóng dán	"	24.893	110.000	27.980	112,40%	25,44%
II.1 Sản lượng tiêu thụ (SX)	Quả	143.531	950.000	305.230	212,66%	32,13%
Bóng cao su	"	116.886	790.000	268.948	230,09%	34,04%
Bóng khâu	"	8.331	50.000	9.360	112,35%	18,72%
Bóng dán	"	18.314	110.000	26.922	147,00%	24,47%
II.1 Sản lượng tiêu thụ (HH khác)						
Túi	Cái	192	1.000	306	159,38%	30,60%
Cao su	Tấn	-	100	221,76		221,76%

b. Kết quả kinh doanh

Các chỉ tiêu	ĐVT	Quý 2/2020	Kế hoạch 2021	Quý 2/2021	So sánh	
					2021/2020	Quý 2/Kế hoạch
1. Doanh thu thuần		9.795.377	66.416.946	26.848.292	274,09%	40,42%
Doanh thu bán hàng	1.000	10.402.968	71.126.000	27.626.071	265,56%	38,84%
Doanh thu tài chính	"	124	-	1.552	1251,61%	
Doanh thu khác	"		-			
Các khoản giảm trừ doanh thu	"	(607.715)	(4.709.054)	(779.331)	128,24%	16,55%
2. Tổng chi phí	1.000	9.795.742	65.371.946	26.598.270	271,53%	40,69%
Giá vốn	"	7.022.622	48.700.946	22.862.165	325,55%	46,94%
Chi phí tài chính	"	219.200	1.200.000	194.063	88,53%	16,17%
Chi phí bán hàng	"	640.907	6.615.000	1.272.031	198,47%	19,23%
Chi phí QLDN	"	1.913.013	8.856.000	2.270.011	118,66%	25,63%
Chi phí khác	"					
3. Lợi nhuận trước thuế		(365)	1.045.000	250.022		23,93%

Nhận xét chung:

a. Sản lượng:

* Sản lượng sản xuất quý 2/2021 đạt 29,30% kế hoạch năm bằng 143,78% so với cùng kỳ năm 2020.

- Tất cả các sản phẩm sản xuất đều vượt hơn so với cùng kỳ năm 2020, và đạt kế hoạch quý đề ra. Nguyên nhân do quý 2/2020 ảnh hưởng dịch các hoạt động thể dục thể thao trên thế giới cũng như trong nước đều tạm ngưng hoạt động nhưng trong năm 2021 thế giới đã mở cửa thoáng hơn, công ty tìm kiếm các đơn hàng xuất khẩu và công ty tìm kiếm được các đơn hàng hợp đồng quảng cáo trong nước..

* Sản lượng tiêu thụ quý 2/2021 đạt 32,13% kế hoạch năm bằng 212,66% so với cùng kỳ năm 2020

- Sản phẩm chủ lực của công ty là bóng cao su bằng 34,04% kế hoạch năm và tăng 130,09% so với cùng kỳ 2021, tuy nhiên các sản phẩm còn lại chưa đạt kế hoạch quý và tăng hơn so với cùng kỳ 2021.

- Trong quý 2/2021, công ty tiêu thụ 221,76 tấn cao su bằng 221,76% kế hoạch năm.

* **Phế phẩm trong quá trình sản xuất:**

Bóng cao su:

+ Ruột hư xì: 4.709 cái tỷ lệ hư xì: 1,58% (tính cả ruột quần chỉ hư)

+ Thành phẩm hư xì, bóng B: 3.231 quả tỷ lệ hư xì: 1,35%

+ Tổng chi phí hư xì : 126.200.743 đồng

Bóng dán:

+ Ruột, trung thai hủy: 1.236 cái

+ Bóng hủy: 42 quả tỷ lệ hư xì: 0,14%

+ Tổng chi phí hư xì : 19.998.166 đồng

Công ty vẫn tiếp tục cải tiến công nghệ, gắn đồng hồ tại các máy nhằm giảm mức lượng tiêu hao tiền điện, loại bỏ các công đoạn không cần thiết, kiểm soát tốt trọng lượng bóng, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng nhằm giảm tỷ lệ hư hỏng đến mức thấp nhất.

Công ty phát động phong trào tiết kiệm vật tư, nguyên liệu, phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm hạn giá thành trong sản xuất, khoán lương cho xưởng sản xuất và hạn chế các phát sinh lương thời gian và giảm thiểu việc tăng ca, tăng giờ không hợp lý.

b. Kết quả kinh doanh

* Doanh thu thuần quý 2/2021 là: **26,846 tỷ đồng** đạt 40,42% kế hoạch năm và bằng 274,09% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó:

- Doanh thu thuần bóng các loại: 15,810 tỷ (trong đó: xuất khẩu: 6,309 tỷ đồng)
- Doanh thu cao su: 9,489 tỷ đồng
- Doanh thu khác (mặt bằng, hàng hóa khác): 170 triệu đồng
- Doanh thu tài chính: 1,55 triệu đồng

Quý 2/2021 tình hình kinh doanh khởi sắc hơn cùng kỳ do có tiêu thụ xuất khẩu và các đơn hàng hợp đồng quảng cáo.

* Lợi nhuận quý 2/2021 là: 250 triệu đồng bằng 23,93% kế hoạch năm, các nguyên nhân ảnh hưởng đến lợi nhuận như sau:

+ Tỷ suất Giá vốn /Doanh thu sản phẩm bóng trong kỳ đạt 77,38% cho thấy giá vốn trong kỳ cao hơn kế hoạch 66,65%.

+ Tỷ suất Giá vốn/Doanh thu của hoạt động thương mại kinh doanh cao su: 99,93% cho thấy hoạt động kinh doanh chưa mang lại hiệu quả cao chỉ hình thức tăng doanh thu chưa chú trọng về lợi nhuận cho công ty.

+ Tỷ suất Giá vốn/ Doanh thu từ hàng hóa khác và cho thuê mặt bằng là 46,85% mang lại lợi nhuận trong quý là : 90 triệu đồng

Các chi phí ảnh hưởng đến lợi nhuận như sau:

+ Chi phí bán hàng:

Khoản mục chi phí	Kế hoạch	Quý 2 Năm 2021	Quý 2 Năm 2020	So sánh (%)	
				quý 2- 2021/2020	TH/KH
Chi phí nhân viên	1.419,603	375,515	222,514	168,76%	26,45%
Vật liệu bao bì	2.291,353	233,294	81,031	287,91%	10,18%
Dụng cụ, đồ dùng	50,000	10,000	10,000	100,00%	20,00%
Chi phí quảng cáo, hoa hồng	1.450,000	176,068	170,810	103,08%	12,14%
Chi phí bằng tiền	804,044	250,155	1,381	18114,05%	31,11%
Chi phí vận chuyển	600,000	226,999	155,171	146,29%	37,83%
Cộng	6.615,000	1.272,031	640,907	198,47%	19,23%

Tổng chi phí bán hàng quý 2: 1,272 tỷ đồng, tăng 98,47% cùng kỳ, bằng 19,22% so với kế hoạch năm do năm 2021 hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.

Tỷ suất chi phí bán hàng/doanh thu thuần: 4,74% thấp hơn tỷ suất kế hoạch là 9,96% vì doanh thu cao su trong kỳ cao.

Từ các khoản mục chi phí cho thấy chi phí nhân viên tăng 68,76% so với cùng kỳ do công ty thay đổi chính sách tiền lương và chi trả theo số lượng sản xuất kinh doanh trong kỳ trả lương người lao động (doanh thu tăng nên chi phí nhân viên tăng theo tương ứng), Chi phí vật liệu bao bì tăng tương ứng doanh thu bán hàng tăng trong kỳ 187,91% so với cùng kỳ 2020, Chi phí hoa hồng, quảng cáo tăng tương ứng tăng doanh thu, Chi phí vận chuyển tăng do chi phí cho xuất khẩu tăng.

030
C
C
TH
NG
V PH

+ Chi phí quản lý:

Khoản mục chi phí	Kế hoạch	Năm 2021	Năm 2020	So sánh (%)	
		Quý 2	Quý 2	Quý 2-2021/2020	TH/KH
Chi phí nhân công	5.095,492	1.522,025	1.380,819	110%	30%
Dụng cụ, đồ dùng	265,000	94,610	158,112	60%	36%
Khấu hao TSCĐ	420,000	75,470	89,502	84%	18%
Thuế, phí	675,000	156,000	156,000	100%	23%
Chi phí dự phòng					
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.400,508	421,906	128,580	328%	18%
Tổng cộng	8.856,000	2.270,011	1.913,013	119%	26%

Tổng chi phí QL trong quý 2: 2,270 tỷ tăng 19% so với cùng kỳ 2020, trong đó các khoản mục: chi phí dụng cụ, khấu hao, chi phí thuế giảm hơn so với cùng kỳ 2020, Chi phí nhân công và chi phí mua ngoài tăng hơn do tìm kiếm đơn hàng trong kỳ..

+ Chi phí tài chính:

Khoản mục chi phí	Kế hoạch	Năm 2021	Năm 2020	So sánh (%)	
		Quý 2	Quý 2	Quý 1-2021/2020	TH/KH
Lãi vay	1.200,000	194,063	219,200	89%	16%
Chênh lệch tỷ giá					
Tổng cộng	1.200,000	194,063	219,200	89%	16%

Tổng chi phí tài chính quý 2/2021: 219,2 triệu đồng giảm 11% so với cùng kỳ 2020. Khoản chi phí lãi vay giảm do nợ vay trong kỳ giảm hơn so với năm 2020.

+ Chi phí khác:

Trong quý 2/2020 Công ty không có chi phí khác.

c. Quản lý công nợ, các khoản phải thu

c.1 Nợ phải thu:

- Tổng số dư nợ tại 30/6/2021: 11.916.570.481 đồng.

Phân theo tuổi nợ công nợ

Từ 1-6 tháng : 70 khách hàng – công nợ: 6.221.171.727 đồng
 Từ 1năm – 2 năm: 1 khách hàng – công nợ: 3.089.962 đồng
 Từ 3 năm trở lên: 11 khách hàng – công nợ: 5.692.308.792 đồng

Phân theo địa lý

+ Chi nhánh Hà nội: 783.692.071 đồng
 + Xuất khẩu :7.782.967.106 đồng, tương đương 338.390,73USD (trong đó quá hạn: 4.947.949.367 đồng, tương đương 215.034,74USD)
 + Nội địa (tại TPHCM): 2.713.947.887 đồng
 + Khó đòi (đã lập dự phòng): 635.963.417 đồng

Nhận xét: Nợ phải thu tại thời điểm 30/6/2021 tăng hơn so với thời điểm 31/3/2021 do công nợ tháng 6 tăng, khách hàng sẽ thanh toán theo hợp đồng tháng 7/2021, tuy nhiên khoản nợ từ khách hàng nước ngoài quá hạn vẫn chưa thu hồi được, đề nghị Ban điều hành tiếp tục làm việc với khách hàng để thu hồi nợ nhằm giảm thất thoát cho công ty.

c.2 Phải thu khác:

- Tổng số dư nợ: **4.067.399.661 đồng**

Trong đó lưu ý 2 khoản:

+ Phải thu lương: 3.389.726.063 đồng

+ Phải thu ông Nguyễn Huỳnh Phương: 416.101.493 đồng.

Đề nghị công ty có biện pháp làm việc với ông Phương nhằm thu hồi khoản công nợ và có phương án trả khoản phải thu lương của người quản lý dứt điểm 2021 và kế hoạch phân bổ dần chi phí tiền lương của lao động trong năm 2021 để trả chi phí lương .

c.3 Tạm ứng phục vụ sản xuất kinh doanh:

Đề nghị Ban điều hành nhắc nhở các đơn vị thực hiện đúng quy chế quản lý tài chính và quy chế quản lý công nợ đã được công ty ban hành.

d. Về hàng tồn kho:

CHUNG LOẠI	GIÁ TRỊ HÀNG TỒN KHO			CHÊNH LỆCH	
	31-12-20	30/3/20121	30-06-21	% quý2/quý1	GIÁ TRỊ
NGUYÊN VẬT LIỆU	4.509.382.157	4.240.207.326	5.611.105.186	132.33%	1.370.897.860
CÔNG CỤ DỤNG CỤ	722.786.616	856.237.093	815.527.762	95.25%	(40.709.331)
CHI PHÍ DỜ DANG	3.525.349.010	3.400.617.857	3.743.196.231	110.07%	342.578.374
THÀNH PHẨM	3.779.859.435	4.854.335.197	4.006.040.779	82.53%	(848.294.418)
HÀNG HÓA	305.664.091	119.828.549	114.098.383	95.22%	(5.730.166)
HÀNG GỬI BÁN	370.795.339	586.881.962	367.075.265	62.55%	(219.806.697)
TỔNG CỘNG	13.213.836.648	14.058.107.984	14.657.043.606	104,26%	598.935.622

Tổng mức tồn kho cuối quý là 14,657 tỷ, tăng 4,26% so với quý 1/2021 tương đương tăng 598 triệu đồng. Các chủng loại như: nguyên vật liệu, chi phí dở dang tăng so với quý 1, Công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng gửi bán giảm so với quý 1/2021.

e. Giá thành công ty

+ Đối với sản phẩm cao su tăng hơn kế hoạch 11,19% do chi phí nhân công, chi phí nguyên vật liệu tăng hơn so với kế hoạch.

+ Đối với sản phẩm bóng khâu tăng hơn kế hoạch 16,69% do chi phí nhân công, chi phí gia công và chi phí nguyên vật liệu tăng hơn kế hoạch

+ Đối với sản phẩm bóng dán giảm 17,42% do giảm chi phí nguyên vật liệu.

f. Công tác đầu tư XD CB : trong kỳ không thực hiện đầu tư cũng như chưa thực hiện kết luận do Tập đoàn cao su Việt nam kết luận.

g/ Về tình hình tiền lương, các chế độ cho người lao động:

- Công ty đã thực hiện tiền lương quý 2 năm 2021: Tổng quỹ lương đã chi: 4,1 tỷ đồng, trong đó:

34641
CÔNG TY
PHẦN
HAO
:OGER
HỒ C

+ Lương quản lý : 266 triệu đồng (5 người); Lương bình quân: 17,74 triệu đồng/người/tháng

+ Lương người lao động: 3,834 tỷ đồng(136 người); Lương bình quân: 9,397 triệu đồng/người/tháng.

=> Trong quý 2/2021, quỹ tiền lương trả cho người lao động tăng hơn quý 1/2021 do công ty thay đổi cách khoán tiền lương cho người lao động. Tuy nhiên tổng chi phí tiền lương 6 tháng đầu năm mới thực hiện 37,69% so với quỹ lương được thỏa thuận Tập đoàn. Vì vậy đề nghị công ty có kế hoạch trích chi phí tiền lương nhằm trả dần quỹ lương còn nợ.

2. Tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm:

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	Kế hoạch
(1)	(2)	(3)		(5)
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	45.594.030.610	71.126.000.000
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	1.631.349.313	4.709.054.500
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV		43.962.681.297	66.416.945.500
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	36.284.372.269	48699324081
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV		7.678.309.028	17.717.621.419
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	2.012.269	0
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	417.888.403	1.200.000.000
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>414.296.193</i>	<i>1.200.000.000</i>
25	8. Chi phí bán hàng	VI.06	2.374.380.329	6.616.621.419
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.07	4.289.029.039	8.856.000.000
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		599.023.526	1.045.000.000
31	11. Thu nhập khác	VI.08		0
32	12. Chi phí khác		136.199.085	0
40	13. Lợi nhuận khác		-136.199.085	0
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		462.824.441	1.045.000.000
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.09		209.000.000
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			0
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		462.824.441	836.000.000
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	210	380
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			0

* Các chỉ số tài chính:

Chỉ tiêu	6 tháng 2020	Kế hoạch	Thực hiện	%2021/2020	%TH/KH
Tổng tài sản	42.562	39.519	41.524	97,56%	105,07%
Tài sản ngắn hạn	36.751	32.005	34.483	93,83%	107,74%
Vốn chủ sở hữu	24.295	24.705	24.731	101,79%	100,11%
Nợ ngắn hạn	18.213	14.813	16.767	92,06%	113,19%
Doanh thu thuần và thu nhập khác	23.193	66.417	43.965	189,56%	66,20%
Lợi nhuận sau thuế	43	836	463	1076,74%	55,38%
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	2,02	2,16	2,06	101,92%	95,19%
Hệ số bảo toàn vốn	1	1	1	100,00%	100,00%
Tỷ suất LN/Vốn CSH (ROA)	0,18%	3,38%	1,87%	1057,76%	55,32%
Tỷ suất LN/Tổng tài sản (ROE)	0,10%	2,12%	1,12%	1103,66%	52,71%

Tổng tài sản 2021 bằng 105,07% so với đầu năm 2021 chủ yếu tăng do tăng 7,74% tài sản ngắn hạn với số tuyệt đối 2,477 tỷ. Và giảm 6% tài sản dài hạn với số tuyệt đối giảm 472 triệu đồng.

Từ đây số liệu cho thấy, tài sản cố định của công ty giảm do tăng mức khấu hao nhưng công ty không đầu tư tài sản cố định mới.

Các khoản phải thu tăng do trong quý 2 doanh thu tăng hơn kế hoạch và công nợ của khách hàng nước ngoài lâu năm vẫn chưa thanh toán; hàng tồn kho tăng do tăng chi phí dỡ dưng và thành phẩm cuối kỳ 30/6.

Hệ số bảo toàn vốn của công ty = 1 cho thấy công ty vẫn bảo toàn vốn chủ sở hữu.

Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu đạt 55,32% kế hoạch cho thấy công ty đang thực hiện tốt kế hoạch năm đề ra trong 6 tháng đầu năm.

Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản đạt 52,71% kế hoạch cho thấy công ty thực hiện tốt kế hoạch đề ra trong 6 tháng đầu năm.

III- KIẾN NGHỊ:

- Ban kiểm soát đề nghị thực hiện kế hoạch quý 3/2021 tốt như kết quả thực hiện quý 2/2021 và HĐQT và Ban điều hành thực hiện kết luận của Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tháng 6/2021.

- Tăng ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại trong sản xuất kinh doanh. Áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật để tăng năng suất và chất lượng. Đầu tư đổi mới thiết bị, cải tiến công nghệ.

- Tiếp tục hoàn thiện Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ, Quy chế HĐQT, Quy chế BKS để công bố thông tin theo quy định

- Duy trì việc xây dựng hình ảnh thương hiệu, công tác chính sách xã hội, các hoạt động của Đảng và các đoàn thể.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện sản xuất kinh doanh quý 3 phù hợp với tình hình dịch covid 19 hiện tại.

IV. Kế hoạch hoạt động của BKS quý 3/2021

- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021;

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD Quý 3/2021;

- Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh của chi nhánh Hà nội năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát quý 2 năm 2021, kính gửi Hội đồng Quản trị xem xét.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BTGD;
- Lưu BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



VÕ TRẦN THÚY TÂM